

Bản án số: 502/2020/HS-ST  
Ngày 17-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Kim Loan

*Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Lê

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Trường Sơn  
2. Ông Trần Huỳnh  
3. Ông Nguyễn Thành Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Tấn - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 698/2020/HSST ngày 04 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5772/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hoàng L;** giới tính: nam; sinh ngày 26 tháng 10 năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số K đường T, tổ O, khu phố I, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: tài xế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn L1 và bà: Trương Thị Kim L2; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2011); tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam ngày: 14/10/2019 (có mặt)

**- Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà Nguyễn Ngọc Trâm - thuộc Văn phòng Luật sư Hồ Trung Hiếu, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hoàng L (có mặt)

**- Bị hại:**

Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ:

Số A1 đường B, KP F1, phường H2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số A2 đường B, phường H2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà NTL4, sinh năm: 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: số B5 chung cư G, số G1 đường Q, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà ĐMP, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: số E1 đường N, Phường G1, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Công ty cổ phần tập đoàn ĐX

Địa chỉ trụ sở chính: số W đường U, Phường U2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cũ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Ngô Viết Quốc Thanh, sinh năm 1974 (có mặt)

Chức danh: Cán bộ pháp chế Công ty cổ phần tập đoàn ĐX

4. Bà NHNT2, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: số Đ đường Đ6, phường L8, thị xã T7, tỉnh Bình Dương

5. Văn phòng công chứng NHH (vắng mặt)

Địa chỉ: số A9 đường S, Phường S1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

<sup>3/4</sup> Diễn biến sự việc:

Ngày 04/6/2017, bị cáo Nguyễn Hoàng L ký hợp đồng thuê căn hộ chung cư số **B tầng C6, block B thuộc dự án Cao ốc Y1 (tên thương mại là X9) tại địa chỉ số Y đường H9, phường B4, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là căn hộ B-11)** của bà ĐMP thời hạn là 01 năm. Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên đầu tháng 8/2017, bị cáo L lên mạng internet tìm người làm giấy tờ giả và thuê người thanh niên (không rõ lai lịch) làm bộ hồ sơ giả với giá 10.000.000 đồng, gồm: 01 Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư B-11 giữa Công ty ĐX (bên bán) và Nguyễn Hoàng L (bên mua); 01 Giấy xác nhận của Công ty ĐX về việc bên mua yêu cầu xác nhận được quyền cho tặng, chuyển nhượng căn hộ B-11 với bên mua nhà ở là Nguyễn Hoàng L, do Giám đốc khối vận hành Đỗ Thị T3 ký xác nhận ngày 30/8/2017; 01 Giấy xác nhận về việc bên mua yêu cầu xác nhận về việc cấp giấy chứng nhận sở hữu căn hộ B-11 với bên mua nhà ở là Nguyễn Hoàng L, do Giám đốc khối vận hành Đỗ Thị T3 ký xác nhận ngày 18/9/2017. Sau khi có bộ hồ sơ giả trên, Nguyễn Hoàng L đến gặp bà NTL4 (người quen biết với L) đặt vấn đề thế chấp vay số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng. Bà L4 lên căn hộ bị cáo đang ở để xem và đồng ý cho L thế chấp để vay số tiền 600.000.000 đồng nhưng 02 bên không làm hợp đồng vay tiền mà bà L4 yêu cầu L ra công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng căn hộ trên để đảm bảo việc thanh toán nợ.

Ngày 19/9/2017, Nguyễn Hoàng L mang toàn bộ hồ sơ giả của căn hộ cùng Sổ hộ khẩu, giấy Chứng minh nhân dân mang tên L, Văn bản thỏa thuận tài sản riêng của vợ chồng giữa bị cáo L với bà NHNT2 rồi cùng bà L4 ra Văn phòng công chứng NHH lập văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ chung cư trên cho bà L4. Khoảng 01 tháng sau, bị cáo L vay thêm 200.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền của bà L4 tổng cộng là 800.000.000 đồng. Ba tháng sau, đến kỳ hạn thanh toán tiền cho bà L4 và do cần thêm tiền tiêu xài, bị cáo L đến gặp bà Đỗ Thị T tiếp tục thế chấp căn hộ trên để vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Bị cáo dẫn bà T đến căn hộ

chung cư đang thuê để bà T xem và giới thiệu là căn hộ của bị cáo. Sau đó, L dẫn bà T đến gặp bà L4 để xem các hợp đồng mua bán bản chính và các giấy xác nhận của căn hộ như trên. Khi bà T đồng ý cầm cố cho Nguyễn Hoàng L căn hộ trên với giá 1.200.000.000 đồng thì giữa bị cáo, bà T và bà L4 đã thỏa thuận việc mua bán chuyển nhượng. Theo thỏa thuận thì bà T đưa cho bị cáo số tiền 400.000.000 đồng, còn 800.000.000 đồng L phải trả cho bà L4 là số tiền mà L đã vay của bà L4 trước đó.

Ngày 14/11/2017, Nguyễn Hoàng L cùng bà L4 và bà T ra Văn phòng công chứng NHH lập văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ chung cư giữa bên chuyển nhượng là bà NTL4 và bên nhận chuyển nhượng là bà Đỗ Thị T. Đồng thời, bị cáo L và bà T đã lập Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng căn hộ giữa Nguyễn Hoàng L (bên A) và bà Đỗ Thị T (bên B). Trong biên bản ghi rõ các điều khoản bên A chuyển nhượng cho bên B căn hộ chung cư số B-11 tầng 13, block B thuộc dự án Cao ốc Y1 với giá 1.200.000.000 đồng (không viết giấy nhận tiền), bên B đồng ý cho bên A ở lại trong căn hộ thời hạn 03 tháng để bên A ra sổ hồng giao lại cho bên B. Sau 03 tháng, bên A không thực hiện đúng thì không được ở trong căn hộ và bàn giao lại cho bên B. Khoảng 10 ngày sau, bị cáo L đưa cho bà T 01 giấy xác nhận về việc thay đổi chủ sở hữu căn hộ B-11 với bên chuyển nhượng: bà NTL4, bên nhận chuyển nhượng: bà Đỗ Thị T, do giám đốc khối vận hành Đỗ Thị T3 ký xác nhận ngày 24/11/2017. Quá thời hạn, Nguyễn Hoàng L không trả tiền và giao nhà nên bà T đến Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng địa ốc ĐX để hỏi thủ tục về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ chung cư B-11. Tại đây, Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng địa ốc ĐX khẳng định với bà T là toàn bộ hồ sơ căn hộ mà bị cáo đã thế chấp cho bà T là giả, Công ty không ký hợp đồng mua bán căn hộ chung cư như đã nêu với bị cáo L. Bà T có Đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Hoàng L.

<sup>3/4</sup> Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Hoàng L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu.

Bà Đỗ Thị T trình bày như diễn biến được nêu, đồng thời cho biết: Sau khi bà T cho bị cáo L vay số tiền 1.200.000.000 đồng thì tại Văn phòng công chứng, bị cáo trả cho bà T 02 tháng tiền lãi là 96.000.000 đồng rồi L gửi cho người khác (không rõ lai lịch) 02 lần mang tiền qua nhà trả tiếp cho bà được 02 tháng tiền lãi, sau đó không đóng lãi nữa. Khoảng 02 tháng sau, bà T gọi điện thoại cho bị cáo kêu bán căn hộ trên để lấy tiền trả cho bà thì bị cáo nói bà mua đi, bị cáo bán cho giá 1.800.000.000 đồng. Bà T trả giá 1.650.000.000 đồng thì bị cáo L đồng ý bán, lúc này bà nói để xác minh giấy tờ rồi mua. Đến tháng 7/2018, bà T đến Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng địa ốc ĐX hỏi thông tin về căn hộ trên thì mới biết đã bị bị cáo làm giả giấy tờ để lừa bà.

Bà NTL4 trình bày: Con gái bà chơi cùng bạn gái của Nguyễn Hoàng L. Khoảng đầu tháng 9/2017, bị cáo L gọi điện thoại cho bà L4 nói bị cáo có căn hộ chung cư tại Quận 7, mua với giá gần 2.000.000.000 đồng. Nay bị cáo L đang xây

dựng nhà xưởng ở tỉnh Bến Tre, rất cần tiền nên nhờ bà L4 cầm cố căn hộ trên để vay số tiền 800.000.000 đồng như nội dung diễn biến nêu trên.

Bà ĐMP trình bày: Tháng 4/2016, bà P mua căn hộ chung cư số B-11, B tầng C6, block B thuộc dự án Cao ốc Y1 (tên thương mại là X9) tại địa chỉ số Y đường H9, phường B4, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.704.341.582 đồng. Qua giới thiệu của nhân viên môi giới Công ty ĐX, ngày 04/6/2017, bà P làm Hợp đồng cho bị cáo L thuê căn hộ trên với giá 9.000.000 đồng/ tháng, thời hạn thuê là 01 năm. Sau khi hết thời hạn thuê hợp đồng với bị cáo thì bà cho ông Nguyễn Đình V (thường trú: số H2 đường N7, Phường Y, Quận R) thuê đến nay. Bà P chưa bao giờ chuyển nhượng hay bán sang tên cho bất kỳ ai từ thời điểm ký hợp đồng mua căn hộ trên với Công ty ĐX, đồng thời bà cung cấp Hợp đồng thuê căn hộ ký giữa bị cáo và bà P.

Bà Nguyễn Huỳnh Như T2 khai nhận: Bà là vợ cũ của Nguyễn Hoàng L, 02 người có 01 người con chung và đã ly thân từ năm 2012, đến năm 2016 thì có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân Quận 9. Ngày 19/9/2017, bị cáo L điện thoại nói hiện bị cáo có căn hộ ở Quận 7, nay cần bán để trả nợ nên nhờ bà ký vào Biên bản thỏa thuận tài sản riêng vợ chồng. Bà T đồng ý giúp bị cáo ký vào biên bản để cho bị cáo bán căn hộ trên mà không biết việc bị cáo làm giả hồ sơ căn hộ để bán cho người khác nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

¾ Cơ quan điều tra tiến hành xác minh:

- Xác minh tại Văn phòng công chứng NHH được biết:

+ Ngày 19/9/2017, Văn phòng công chứng có chứng nhận Văn bản thỏa thuận tài sản riêng vợ chồng giữa bà NHNT2 và ông Nguyễn Hoàng L, số công chứng: 006627 và Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư giữa bên bán là ông Nguyễn Hoàng L và bên mua là bà NTL4, số công chứng: 006628.

+ Ngày 14/11/2017, Văn phòng công chứng có chứng nhận Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư giữa bên chuyển nhượng là bà NTL4 và bên nhận chuyển nhượng là bà Đỗ Thị T, số công chứng: 008253 và chứng nhận Giấy ủy quyền của bà NTL4 ủy quyền cho bà Đỗ Thị T toàn quyền thay mặt bà L4 hoàn tất các thủ tục giấy tờ liên quan đến việc mua bán căn hộ nêu trên, số công chứng: 008254.

- Xác minh tại Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng địa ốc ĐX được biết: Căn hộ chung cư số B-11, B tầng C6, block B thuộc dự án Cao ốc Y1 (tên thương mại là X9) tại địa chỉ số Y đường H9, phường B4, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã được công ty ký bán cho bà ĐMP tại Hợp đồng số 062/2016/HĐMB-B-LUX ngày 04/04/2016. Đồng thời, Công ty khẳng định hoàn toàn không phát hành 03 Giấy xác nhận do Giám đốc khối vận hành Đỗ Thị T3 ký như nội dung Giấy xác nhận mà bị cáo L đã đưa cho bà T.

¾ Tại Kết luận giám định số 174/KLGD-TT ngày 17/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 198-199) thể hiện:

1. Chữ ký đứng tên Đỗ Thị T3 trên bốn tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Đỗ Thị T3 trên năm tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký đứng tên “Nguyễn Hoàng L” và chữ viết họ tên “Nguyễn Hoàng L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hoàng L trên ba tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M8 do cùng một người ký và viết ra.

3. Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐX – Q. BÌNH THẠNH – T.P HỒ CHÍ MINH” trên bốn tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với hình dấu có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG ĐỊA ỐC ĐX – Q. BÌNH THẠNH – T.P HỒ CHÍ MINH” trên năm tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Cáo trạng số 123/CT-VKS-P2 ngày 19/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Hoàng L về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng ghi nhận.

Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần tập đoàn ĐX xác định căn hộ liên quan đến vụ án là căn hộ chung cư số B-11 B tầng C6, block B thuộc dự án Cao ốc Y1 (tên thương mại là X9) tại địa chỉ số Y đường H9, phường B4, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và được xác định cụ thể tại bản Cáo trạng được Kiểm sát viên công bố tại phiên tòa, còn Hợp đồng cho thuê giữa bà P và bị cáo L có ghi nhận là tầng 12A thì có lẽ xuất phát từ sự nhầm lẫn trong nhận thức của bà P.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Hoàng L từ 13 đến 14 năm tù về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 01 đến 02 năm tù về “Tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng đề nghị xử lý phân tang vật theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh và điều khoản mà bản Cáo trạng truy tố. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhiều tình tiết giảm nhẹ (bị cáo có công ăn việc làm, không nghiện rượu cờ bạc nhưng do làm ăn thua lỗ nên vụ án xảy ra là do hoàn cảnh đưa đẩy, bản thân bị cáo đã ly hôn, nợ nần chồng chất do vay số tiền với lãi suất rất cao, bị cáo dùng nợ vay sau để trả nợ vay trước nên càng ngày càng lún sâu; bị cáo tuy không có tài sản nhưng đã động viên cha mẹ trong việc thực hiện bồi thường, chính cha mẹ bị cáo cũng có thiện chí bồi thường cho bị hại...) để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt khoan hồng cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được, bản kết luận giám định... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án như bản Cáo trạng ghi nhận, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Hoàng L đã có hành vi thuê đối tượng (không rõ lai lịch) làm giả 01 Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số B-11 và 03 Giấy xác nhận của Công ty cổ phần tập đoàn ĐX mang tên bị cáo để thế chấp cho bà Đỗ Thị T, làm bà T đã tin tưởng bị cáo là chủ sở hữu hợp pháp của căn hộ chung cư nói trên, từ đó chiếm đoạt số tiền 1.200.000.000 đồng của bà T.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý nhà nước và lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội.

Bị cáo nhận thức được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Từ các lập luận trên, đối chiếu các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng L phạm “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong năm 2017 (thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật) nên tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 và Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do bị cáo Nguyễn Hoàng L thuê đối tượng (không rõ lai lịch) làm giả các tài liệu, con dấu của Công ty cổ phần tập đoàn ĐX và số tiền mà bị hại bị chiếm đoạt trong vụ án được xác định là 1.200.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 267 và điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hội đồng xét xử còn áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo trong trường hợp phạm nhiều tội, từ đó xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt, làm ăn lương thiện khi hoà nhập cộng đồng, nhằm đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Ngày 26/8/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 141/2020/HSST-QĐ đề nghị được kiểm tra quy trình công chứng tại Văn phòng công chứng NHH. Ngày 26/10/2020, Viện kiểm sát nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 227/VKS-P2 (BL 483) ghi nhận: Văn phòng Công chứng NHH có văn bản số 34/CCNHH ngày 07/9/2020 và số 35/CCNHH ngày 13/10/2020 gửi Cơ quan điều tra trình bày ý kiến liên quan đến việc công chứng Văn bản chuyển nhượng hợp đồng cho Nguyễn Hoàng L và cho rằng việc công chứng là đúng quy định pháp luật, đúng quy trình công chứng. Từ đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử chấp nhận các quan điểm trên.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại có văn bản yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi hàng tháng từ ngày 14/4/2018 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (24.000.000 đồng/tháng).

Bị cáo Nguyễn Hoàng L cho biết có thiện chí bồi thường số tiền đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật.

- Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với số tiền lãi ngân hàng (24.000.000 đồng/tháng): Phần nội dung yêu cầu này không phù hợp quy định pháp luật về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung yêu cầu bồi thường này của bà Đỗ Thị T.

+ Đối với số tiền 1.200.000.000 đồng: Đây là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, được xác định qua quá trình điều tra vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần nội dung yêu cầu bồi thường này của bà T.

[5] Vật chứng của vụ án:

Các tài liệu do bà Đỗ Thị T nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ cho công tác giám định theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 25/9/2018 tại Đội 8 PC02 (BL 147A) như: Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư, Giấy xác nhận căn hộ bên mua nhà ở mang tên Nguyễn Hoàng L, Văn bản thỏa thuận tài sản riêng vợ chồng, Giấy ủy quyền giữa bà L4 và bà T, Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ chung cư, Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng căn hộ, giấy xác nhận thay đổi chủ sở hữu: đây là tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, được đóng dấu bút lục và được lưu tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[6] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư về việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[7] Trong vụ án này, phần yêu cầu bồi thường số tiền lãi ngân hàng (24.000.000 đồng/tháng) của bà Đỗ Thị T không phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, trước khi khai mạc phiên tòa, bà T có yêu cầu được xét xử vắng mặt do bà phải chăm sóc cha hiện đang nhập viện điều trị tại bệnh viện ở tỉnh, bà không thể tham gia phiên tòa. Vì vậy, đối với phần yêu cầu này, Hội đồng xét xử chưa có điều kiện giải thích cho bà T nội dung đây là phần yêu cầu không phù hợp pháp luật. Trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, dù phần yêu cầu này không được chấp nhận nhưng Hội đồng xét xử không buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như điểm e

khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đã quy định.

Bên cạnh đó, bị cáo cũng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139, khoản 1 Điều 267; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng L phạm “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt: Nguyễn Hoàng L: 13 (mười ba) năm tù về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 01 (một) năm tù về “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 14 (mười bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Thị T số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền buộc nộp nêu trên, thì căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.



Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Người có QLNVLQ; (9)
- Thi hành án hình sự; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (32) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Kim Loan**